



VẤN ĐỀ CHIẾN TRANH TRONG TIỂU THUYẾT KHÔNG SỐ PHẬN CỦA KERTÉSZ IMRE TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA – LỊCH SỬ

Chu Đình Kiên*

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế, 32 Lê Lợi, Huế, Việt Nam

Tóm tắt. Tiểu thuyết *Không số phận* (*Sorstalanság*) kể lại hành trình của Köves Gryörgy qua các trại tập trung của Đức trong chiến tranh thế giới thứ II. Những nếm trải của anh ta đã hé lộ góc khuất của bản chất cuộc chiến và số phận người Do Thái. Một mặt trận ít tiếng súng nhưng khốc liệt vô cùng, ở nơi đó bi kịch chiến tranh được phơi bày sáng rõ nhất. Trong bài báo này, chúng tôi tìm hiểu vấn đề chiến tranh trong tiểu thuyết *Không số phận* dưới góc nhìn văn hóa lịch sử để đem đến một phần kiến giải về cuộc hành trình tìm kiếm bản thể con người sau Thế chiến thứ II.

Từ khóa. Không số phận, Köves Gryörgy, trại tập trung, chiến tranh thế giới thứ II, Do Thái

Thế chiến thứ hai không chỉ là cuộc chiến thảm khốc nhất trong lịch sử nhân loại với tổng số nạn nhân lên tới 62 triệu người, mà còn để lại nhiều biểu tượng kinh hoàng của sự chết chóc, hủy diệt, sụp đổ của nền văn minh và văn hóa châu Âu hiện đại, như Auschwitz, Buchenwald, Holocaust, genickschuss (phát súng ân huệ), crematorium hay các lager... Tại các quốc gia Đông Âu, sau mấy chục năm bị coi là đề tài “nhạy cảm”, để “đụng chạm” và gây nhiều nguy hại tới “sự đồng thuận trong xã hội”. Đến nay, Holocaust không còn là đề tài độc tôn của các nhà nghiên cứu mà đã đi sâu vào tâm thức xã hội như một trong những thảm kịch diệt chủng của nhân loại. *Không số phận* được tác giả thai nghén trong vòng 13 năm (1960–1973), giữa những điều kiện khó khăn và bị o ép về mặt chính trị, không được chính quyền thừa nhận.

Tiểu thuyết *Không số phận* gần như là một tự truyện của Kertész Imre về quãng thời gian ông sống trong trại tập trung Đức Quốc xã. Nhân vật chính là một thiếu niên bị đày ải hết từ trại tập trung này sang trại tập trung khác, cho đến khi cậu được quân Đồng minh giải phóng. Tuy nhiên, điều đặc biệt kỳ lạ của thiên tiểu thuyết – tự truyện này là ở chỗ: được viết ở độ tuổi trung niên, khi tác giả đã nếm trải điều kinh hoàng, và do đó, hẳn đã hiểu quá rõ bản chất của chủ nghĩa Quốc xã cũng như Holocaust, nhưng ông lại viết về lò thiêu với tâm thế của người lần đầu tiên được nhìn thấy cái gì đó mới mẻ. Điểm hấp dẫn, lôi cuốn của tác phẩm là không nhằm đặc tả, hay cố ý xây dựng những nỗi kinh hoàng, những thảm cảnh mà các nhân vật trải

*Liên hệ: chudinhkiengdmn2015@gmail.com

qua khi cận kề với cái chết hàng ngày. Tác phẩm buộc người đọc sùng sốt bởi bản năng sinh tồn, khả năng thích ứng của con người với thế giới xung quanh để giành giật sự sống trước tử thần thường trực rình rập... Kết thúc tiểu thuyết, Kertész Imre – một kẻ sống sót sau thảm cảnh Holocaust đã phát biểu: “Nếu như họ hỏi. Và chỉ nếu chính tôi cũng không quên điều đó” [1, Tr. 312].

1. Trại tập trung (lager) – ám ảnh chiến tranh nhìn từ kẻ trong cuộc

Nhân vật trung tâm của *Không số phận* là Köves Gryörgy – cậu bé Do Thái 15 tuổi, không chống lại số phận, không ngạc nhiên và cũng không tìm cách trốn thoát trước các vụ bắt bớ. Cậu chấp nhận bị bắt vào trại tập trung một cách bình thản. Đối với Köves Gryörgy, trại tập trung là một cái gì đó hoàn toàn tự nhiên, thường nhật, cho dù điều kiện sống tồi tệ, bẩn thỉu, bệnh tật, cái chết. Khi ở đó, cậu vẫn có những khoảnh khắc hạnh phúc. Köves Gryörgy thoải mái đón nhận lũ rệp “những thân thể chen lấn không làm tôi khó chịu nữa, bằng cách nào đó tôi còn lấy làm mừng vì chúng cũng ở đây, vì chúng gần gũi và cũng giống thân thể tôi đến mức ấy, và giờ đây lần đầu tiên tôi thấy một cảm giác bất thường, trái khoáy, lúng túng...” [1, Tr. 219]. Köves Gryörgy nhìn nhận lager và các sự kiện dưới con mắt trẻ thơ, không cảm thấy phản tự nhiên hay bất bình. Cậu ta không thể hiện sự phẫn nộ đạo đức hoặc phản kháng siêu hình mà chúng ta hay thấy trong những tác phẩm cùng đề tài. Đây là điều khiến tác phẩm trở nên xác tín ở mức độ gây sốc.

Có thể nói với phong cách giản dị, bình thản, một lối văn mĩa mai thâm thúy dựa trên những cái bình thường hàng ngày, Kertész Imre đã đem đến cho văn chương nhân loại một quan niệm mới về xã hội phương Tây thế kỉ XX. Lạnh lùng, khách quan trong văn chương của Kertész Imre là hệ quả quy chiếu bởi góc nhìn văn hóa – lịch sử xã hội hiện đại. Nếu như trại tập trung được Thổ Nhĩ Kỳ và Đế chế Austro – Hungary thành lập trong thế chiến lần thứ nhất nhằm mục đích diệt chủng đối với người Armenia và Xla-vo, thì trại tập trung của Đức và chủ nghĩa phát xít được tổ chức tốt hơn và theo đuổi những mục đích phi nhân đạo và tàn ác hơn – hủy diệt người Do Thái. Đức Quốc xã bắt đầu xây dựng các trại tập trung ngay khi lên nắm chính quyền năm 1933, và trở nên đặc biệt khét tiếng tàn ác trong Thế chiến thứ II (1939–1945). Trại tập trung được chia làm hai nhóm chính: trại lao động cải tạo và trại giết chóc. Hủy diệt là mục đích của trại giết chóc, nơi mà “*kẻ bề dưới*” (theo quan niệm vị chủng văn hóa của người Đức), đặc biệt là người Do Thái, người Gipxi (mang tội che giấu Chúa Jesu), người Xla-vo, người Xô viết và bất cứ ai không phải là “*người aryan*” sẽ phải chết. Trong cỗ máy khổng lồ đó, các tù nhân bị bắn, đầu độc và tra tấn cho đến chết hoặc bỏ mạng trong các phòng thí nghiệm y học vô nhân đạo. Khi cuộc chiến kết thúc, một số trại lao động trong đó có Buchenwald cũng trở thành các trại hủy diệt. Giai đoạn cuối cùng của thế chiến thứ hai là giai đoạn thế giới chứng kiến cảnh tù nhân bị đối xử, giết hại tàn bạo nhất. Đức Quốc xã bắt đầu những cuộc hành hình hàng loạt – *endlösung* (giải pháp cuối cùng) trong một nỗ lực nhằm giấu giếm tội ác trước dư

luận quốc tế. Sau chiến tranh, tội ác của Đức Quốc xã được đưa lên tòa án Nuremberg (*tiếng Đức: Nürnberg*) xét xử và các phần tử chính của đế chế này đã bị xử tử. Tuy nhiên, thật không may khi ý tưởng về những trại tập trung kiểu này không hề biến mất cùng sự tan rã của Đế chế thứ ba.

Song song với hành trình của cậu bé Köves Gryörgy là hình ảnh những khu trại tập trung. Bằng trí nhớ (người kể chuyện hồi cố sự kiện), năng lực quan sát, hình ảnh các trại tập trung hiện lên rõ rệt đầy phi lí. Theo quan điểm của người Do Thái – kẻ chấp nhận sự trừng phạt của Chúa, đến trại tập trung bằng một thái độ vui mừng bởi nhiều lí do: “tôi vui mừng, dĩ nhiên, nhưng tôi cảm thấy theo một cách khác với sự vui mừng của ngày hôm qua, hay còn hơn thế, của ngày hôm kia chẳng hạn” [1, Tr. 92]. Từ đó hình ảnh các trại tập trung được người kể chuyện miêu tả đầy đủ, sáng rõ. Đây là Auschwitz với “khu sân nắng chang chang này ở đây nom có vẻ hơi tro trụi, tịnh không thấy bóng dáng sân bóng đá, vườn rau, bãi cỏ. Chỉ có một ngôi nhà gỗ đơn sơ, bề ngoài giống một nhà kho lớn... phía trước, phía sau là hàng dài những nhà kho giống như thế, chạy xa tít tắp, và phía bên tay trái cũng là một dãy đúng như thế, mặt trước, mặt sau, bên cạnh các nhà cách nhau một khoảng đều tăm tắp. Phía sau, một con đường nhựa rộng...” [1, Tr. 121]. Và ở đây là hình ảnh trại tập trung Buchenwald: “nằm ở lưng chừng một vùng cao đồi núi và thung lũng, không khí trong lành, nhìn phía nào cũng thấy cảnh sắc rất đa dạng, xung quanh đâu cũng thấy rừng, dưới các thung lũng là những ngôi nhà nông dân lợp ngói đỏ” [1, Tr. 147]. Trại tập trung Zeitz – cách Buchenwald một đêm đi tàu hàng: “ngay lập tức tôi nhận ra lần này mình đã đến một trại tập trung nhỏ, sơ sài, hẻo lánh, có thể nói chỉ như một trại tập trung nhà quê. Tìm kiếm nhà tắm hay thậm chí là một lò thiêu ở nơi này chỉ có vô ích. Đường như những thứ trang hoàng đó chỉ thuộc về các trại tập trung có tầm quan trọng hơn...” [1, Tr. 153]. Bằng một giọng điệu hồn nhiên, trẻ thơ, ánh mắt quan sát khách quan, tò mò của nhân vật tôi trải nghiệm, hình ảnh trại tập trung hiện lên đầy đủ mọi góc ngách. Tất cả các Lager được nhớ lại một cách sống động như hiện hữu trước mắt người đọc: “có những chỗ rất lạ ở Buchenwald. Bạn có thể đến một trong những ngôi nhà màu xanh đơn sơ ở phía sau một hàng rào thép gai, mà cho đến nay, nếu là cư dân của Trại nhỏ... Từ hành lang mở ra những cánh cửa – những cánh cửa bình thường, màu trắng, có thật – sau mỗi cánh cửa là một căn phòng sáng sủa, với chiếc giường trống đã chuẩn bị sẵn như chỉ chờ bạn đến...” [1, Tr. 237]. Chính những trải nghiệm cay đắng của Köves Gryörgy mà hình ảnh các trại tập trung hiện ra vừa cụ thể vừa hấp dẫn, vừa nghiệt ngã, xót xa. Bức tranh nhàu nhĩ về tẩm tẩm diệt chủng Do Thái được vẽ bởi gam màu đen tối nhất của lịch sử nhân loại. Kertész Imre đã vén lên tấm màn cuộc chiến tranh thế giới thứ hai của người trong cuộc, vạch trần tội ác khủng khiếp của chủ nghĩa phát xít.

2. Chiến tranh và những kế hoạch tiêu diệt người Do Thái trong trại tập trung

Kertész Imre, nhà văn tự coi mình là “*người chuyên giao tình thân Auschwitz*” đã nhận thức và đồng cảm sâu sắc về “*tấn thảm kịch lớn nhất của người châu Âu kể từ những cuộc thánh chiến*” [9]. Bằng tâm thức của một tù nhân Do Thái cần phải viết một điều gì đó về Auschwitz, một lần nữa Kertész Imre làm nhân loại bừng tỉnh về nỗi đau Holocaust bằng những trải nghiệm xác thực, đau đớn nhất, ám ảnh nhất. Bị các chính sách chèn ép gay gắt của chính quyền, nhưng ông đã thoát khỏi “*gông cùm*” của chủ nghĩa toàn trị thế giới đem đến cho người đọc những trang viết phơi bày một cách sâu sắc tội ác của chủ nghĩa phát xít thông qua những kế hoạch chiến tranh quy mô, có hệ thống hoàn hảo.

– **Thu gom người do Thái:** Một cuộc thu gom người Do Thái diễn ra khắp châu Âu, nhưng tất cả đều không biết mục đích cuối cùng là gì? Có một viên cảnh binh thực hiện nhiệm vụ đứng dọc đường cái để bắt người Do Thái có ngôi sao trên ngực (sau này là biểu tượng trên lá cờ của người Israel) và đề nghị họ vào nhà của sở thuế quan. Sau đó tiếp tục ra đường chặn đón xe bus như anh ta đã từng làm. Chuỗi công việc lặp lại diễn ra vô nghĩa, mệt mỏi và chán nản, vì anh ta cũng không biết được mục đích cuối cùng bắt người để làm gì? “Viên cảnh binh còn bảo anh ta cũng không được thông báo chính xác, nhưng theo anh ta chỉ có thể là chuyện thủ tục ngắn gọn, ít nhất là nhận xét ở góc độ pháp luật” [1, Tr. 58]. Và cuối cùng các tù binh cũng theo lệnh đến chỗ “*cấp trên*” để xuất trình giấy tờ. Viên cảnh binh chỉ thực hiện khâu đầu tiên trong chuỗi các kế hoạch tiêu diệt người Do Thái: thu gom. Köves Gryörgy và những người bị bắt bắt đầu hành trình qua các trại tập trung theo đúng kế hoạch đã được thiết lập của chính quyền phát xít mà không hề chống trả.

– **Tịch thu các vật dụng của tù nhân:** Đây là công việc tiếp theo trong các hành động tiêu diệt Do Thái. Đồ dùng cá nhân đều bị “*cắm ngạt trong Lager*”. Khi đến biên giới Hungary – Đức, bọn cảnh binh đã cảnh cáo những người Do Thái không được sử dụng đồ dùng cá nhân. Vào trại tập trung thì việc đưa đồ dùng cá nhân được xem là “*phạm tội*”; “*những ai còn tiền, vàng, đá quý hay bất cứ đồ giá trị nào khác hãy bước lên trước, và tự nguyện “gửi Herr Ober”, vì đây là cơ hội cuối cùng, các bạn có thể giải thoát khỏi những đồ vật kia mà không bị trừng phạt*” [1, Tr. 111]. Đây cũng là một trong những nguồn tài chính quan trọng để chủ nghĩa phát xít duy trì cuộc chiến tranh.

– **Vệ sinh cá nhân:** Sang nước Đức, trước khi phân loại lao động những người Do Thái phải thực hiện vệ sinh cá nhân để tẩy rửa, tắm giặt, cắt tóc kể cả đàn ông lẫn phụ nữ. “Trong phòng tắm, dưới chân chúng tôi là lưới gỗ tron, trên đầu là hệ thống ống và trên đó chúng tôi thấy rất nhiều vòi hoa sen... Tôi thấy một điều thú vị là nước tự động chảy xuống hoàn toàn bất chợt... Về miếng xà phòng thì phải nói đáng tiếc nó không ra bọt nhiều cho lắm, mà bên trong toàn những hạt sắc để dễ làm xước da” [1, Tr. 115]. Vệ sinh để dễ phân loại lao động. Đội lột dưới các hành động nhân đạo là bản chất độc ác, giết chóc dã man của phát xít Đức. Bằng ánh mắt

tò mò của cậu bé 15 tuổi, cách quan sát tỉ mỉ, Köves Gryörgy kể lại hành trình qua các trại tập trung chân thực và sinh động.

– **Phân công lao động:** Đây là một trong những khâu quan trọng trong chuỗi phát triển và “tái sản xuất kinh tế” trong trại tập trung. Người già, trẻ con, phụ nữ, những người không có khả năng lao động thì sẽ được “giải quyết” trước bằng khí ga: “những người già cả hoặc vì lí do khác tỏ ra không thích hợp trước mặt bác sĩ, cũng như bọn trẻ con và những bà mẹ đi cùng chúng hay những người sắp làm mẹ, những người đã thấy dấu hiệu có thai... đi vào nhà tắm... chỉ có điều từ các vòi hoa sen ấy người ta không xả nước, mà là xả hơi ga xuống đầu họ” [1, Tr. 131]. Ngay bên cạnh những thảm cỏ, vườn cây luống hoa rất đẹp là một lò xả hơi ngạt. Köves Gryörgy đã bị tác động, không thể thản nhiên như những lần trước nữa. “Tất cả những điều đó đã gây cho tôi cảm giác hơi giống trò đùa hoặc như một trò tinh quái học trò nào đó” [1, Tr. 131]. Còn những người được sự đồng ý của bác sĩ sẽ được liệt vào danh sách những người lao động để tái sản xuất trong các khu tập trung. Được phân về trại lao động, các tù nhân được nhận các dụng cụ và phân nhiệm cụ thể từng công việc. Tại Zeitz, họ làm việc trong các “Braun-Kohl-Benzin Aktiengesellschaft”, đó là một công trường sản xuất xăng dầu và than nâu của một nhà máy. Với các cần cầu dịch chuyển nặng nề, những máy xúc đất, những đường ray và ống khói, những tháp làm lạnh, hệ thống đường ống, những nhà xưởng đúng như một thành phố thực thụ. Công việc nặng nề và sự đánh đập tàn bạo đã làm cho tù nhân kiệt quệ về sức khỏe: “giò đây những làn da ấy đã trở nên nhăn nheo, vàng vọt và khô héo, chỗ nào cũng thấy mung mủ” [1, Tr. 196]. Họ bị cắt giảm khẩu phần ăn, sinh hoạt bản thiêu trong trại, ngay cả chỗ ngủ cũng không có rom, vải bố, hai người chung một tấm chăn. Kế hoạch khai thác lao động đã làm cho tù nhân suy kiệt về thể chất cũng như tinh thần. “Tôi đã bắt đầu chán nản, sự hăng hái thuyên giảm, mỗi ngày thức dậy lại nặng nề hơn một chút, mỗi ngày đi nằm cũng mệt mỏi hơn một chút” [1, Tr. 177]. Bên cạnh đó, một số bộ phận tù binh khác sẽ được sử dụng cho việc nghiên cứu khoa học. Ở Auschwitz, người ta dùng bơ sữa để vỗ béo cho bệnh nhân, cho đến khi lấy hết nội tạng để phục vụ cho mục đích khoa học.

Bằng những kế hoạch tiêu diệt và phục hồi lao động cho chiến tranh có hệ thống hoàn chỉnh, chủ nghĩa Đức Quốc xã thực sự đã làm chấn động dư luận của thế giới. Nhưng điều đáng nói là con người bước ra từ trại tập trung không phản kháng mà chấp nhận nó. “*Cá nhân có thể sống và tư duy trong một thời đại mà con người ngày càng tự phụ thuộc vào chính thể xã hội*” [8]. Thảm cảnh Holocaust và lò thiêu Auschwitz đã lột tả tận cùng về tình trạng tha hóa của con người trong đời sống hiện đại.

3. Holocaust hay là trò chơi của lịch sử?

Năm 1993, Kertész Imre cho ra đời *Văn hóa Holocaust*, tác phẩm xem Holocaust – bài trừ Do Thái là một thứ văn hóa làm hoài nghi độc giả. Thực chất, chủ nghĩa bài Do Thái chỉ là một mắt xích trong chuỗi kế hoạch của chủ nghĩa toàn trị trên thế giới đang tồn tại. *Không số phận* đã

phản ánh một cách sinh động, không kém phần chân thực thứ văn hóa Holocaust đó. Thông qua câu chuyện của Köves Gryörgy, các vấn đề trong trại tập trung hiện ra đầy đủ, lộ thiên tường tận trò chơi của chủ nghĩa Quốc xã... Khi bàn về tự do, John Stuart Mill đã chỉ ra nguyên nhân cơ bản mà con người không biết đó là sức mạnh của mình: “đa số dân chúng vẫn chưa học được cảm nhận quyền lực của chính phủ và quyền lực của mình, hay ý kiến của chính phủ là ý kiến của mình” [2, Tr. 32]. Vì thế, chủ nghĩa toàn trị đã sử dụng thuyết vị chủng văn hóa để áp đặt lên người Do Thái, hòng che mắt dư luận thế giới. Trong trại tập trung, những thiết yếu cơ bản nhất của con người bị thủ tiêu hoàn toàn.

– **Vấn đề nước:** Cuộc di chuyển từ trại tập trung này qua trại tập trung khác kéo dài lâu ngày. Đây cũng chính là hình thức “*đào thải*”, loại bỏ người Do Thái. Nước trên các chuyến tàu trở nên khan hiếm. Người già là những kẻ bị chết đầu tiên trong những chuyến di chuyển. “Một bà già đau ốm – mà có thể là bà đã phát điên, chắc hẳn vì khát nước... vào buổi sáng thứ ba, cuối cùng thì bà cũng im lặng. Trong toa chúng tôi người ta bảo: bà cụ đã chết vì không có nước” [1, Tr. 89]. Hơn nữa, trong các trại tập trung thì mỗi họa chủ yếu tiềm ẩn trong nước, nước không đun sôi. Nước ở đây không được xử lí hóa chất cho nên uống nhiều vào sẽ có cảm giác buồn nôn.

– **Ăn uống:** Vấn đề ăn uống thiếu thốn và những cuộc mua bán đôn ép con người đến mức phải loại trừ nhau. Thức ăn ở trong trại không thể ăn được. Một món xúp được nấu chung cho tất cả mọi người, và hai người ăn chung một thìa ăn vì số lượng không đủ, ăn xong phải trả ngay dụng cụ ăn. Những tù phạm bắt buộc phải ăn bởi một triết lí được rút ra: “ăn tất cả những gì hôm nay được cấp phát, và không biết ngày mai người ta có cho ăn nữa hay không” [1, Tr. 120]. Ở Auschwitz người ta ngạc nhiên vì trật tự ăn uống. Buổi sáng được mang đến một thứ nước gì đó, mà họ bảo là cà phê. Bữa trưa, nghĩa là món xúp, được đưa đến sớm bất ngờ, mới khoảng 9 giờ. Nhưng sau đó thì bị cắt dần. Đến ngày thứ ba, tù nhân buộc phải làm quen, thích nghi với cảm giác khó chịu của cái đói, đón nhận việc đương nhiên phải xảy ra...

Ở trại tập trung Zeitz, vấn đề miếng ăn lại trở nên trầm trọng hơn. Con người dần dần phải tiết kiệm và thích ứng với môi trường để sinh sống. “Khi chia xúp thì không nên đứng trước, mà tốt hơn nên cố gắng đứng về phía sau, lúc đó gần như chắc chắn là người ta chia xúp đặc hơn từ đáy nồi, phải lấy búa rèn cho một cạnh chuôi thìa ăn thành dụng cụ có thể dùng như lưỡi dao...” [1, Tr. 163]. Trong môi trường đó người ta truyền tai cho nhau những kinh nghiệm để sinh tồn. Köves Gryörgy được Citrom Bandi truyền đạt cho toàn bộ những kiến thức cần thiết cho cuộc sống tù đầy.

– **Chờ đợi:** Những chuỗi ngày kéo dài lê thê, mệt mỏi, gây cảm giác chán nản, Köves Gryörgy và các phạm tù buộc phải hình thành thói quen chờ đợi: chờ đợi để được vào trại lao động, chờ đợi để được đi tắm, được chia xúp, được khám bệnh, được vào lò thiêu... “Tôi khẳng định: sự chờ đợi không mang lại niềm vui” [1, Tr. 89]. Nhưng dần dần người ta

cũng thờ ơ với nó. Họ có thể cố gắng gồng mình để chờ tới đích cuối cùng là quên đi ý thức sống. Sự chờ đợi làm suy nhược, mệt mỏi mọi ý nghĩa tinh thần của các tù nhân: “chúng tôi cứ chờ đợi, chờ đợi, mà tôi nghĩ thực ra là để đừng xảy ra chuyện gì”.

– **Dịch bệnh:** Trong chiến tranh, y tế là vấn đề chiếm không ít thời gian của các führer (một chức vụ của SS), và đã từng xảy ra nhiều cuộc cãi vã giữa các chỉ huy. Số lượng chết vì bệnh tật trong các trại tập trung chiếm chủ yếu. Điều kiện lao động khổ sai khắc nghiệt, chế độ ăn uống hàng ngày bị cắt giảm, bị đánh đập, hành hạ dã man của các Hiến binh, người Do Thái ngày càng suy kiệt về sức khỏe, mất dần ý thức sống: “mỗi sáng thức dậy tôi đều tin rằng đó là buổi sáng cuối cùng mình còn thức dậy nổi, sau mỗi bước chân tôi đều tin rằng mình không bước thêm nổi một bước, sau mỗi cử động tôi đều tin rằng mình không thực hiện nổi thêm một cử động nào hết” [1, Tr. 202]. Không chỉ riêng *Không số phận* mà cả tiểu thuyết *Người đọc* (Lê Quang dịch, Nxb. Phụ Nữ, 2006) của nhà văn Đức Bernhard Schlink, *Nhật ký Anne Frank* (Tạ Huyền dịch, Nxb. Thế giới, 2011) và *Những kẻ thiện tâm* (Cao Việt Dũng dịch, Công ty Nhã Nam và Nxb. Hội Nhà Văn ấn hành, 2008) của nhà văn Pháp Jonathan Littell... đều viết những trang kinh hoàng, nhức buốt về bệnh tật trong các trại tập trung. Đó là một cuộc hủy diệt ghê rợn của lịch sử nhân loại.

Những căn bệnh trong chiến tranh: tả, kiết lỵ, thuộc về đường ruột do nguồn nước gây ra. Những vết thương đầy mủ trắng trên cơ thể của tù nhân không được băng bó buộc họ phải cắt bỏ... Ngoài ra, các loại kí sinh trùng sống ở mọi nơi trong trại tập trung bản thủ. “Tôi không thể nào bắt nổi lũ bọ chét, chúng nhanh hơn vì xét cho cùng chúng được nuôi dưỡng tốt hơn... Chúng ở khắp mọi nơi, chúng chui vào mọi xó xỉnh, chiếc mũ màu xanh lá cây của tôi gần biến thành màu xám, chúng nhung nhúc, cái mũ gần như chuyển động vì chúng” [1, Tr. 126]. Nhưng điều làm người đọc choáng váng bởi cách chấp nhận bình thân và có phần khoái cảm của tù nhân với lũ rận. Köves Gryörgy không chống lại chúng: “cái có thể nói rằng với đôi chút ngấm ngấm ung thuận, chỉ vì quy luật của tự nhiên, và từ đó, tôi không chiến đấu với chúng nữa, không làm phiền chúng thêm nữa” [1, Tr. 217]. Sự xuất hiện của chúng đem đến niềm vui, sự sung sướng cho tù nhân. “Tôi còn lấy làm mừng vì chúng cũng ở đây, cùng với tôi, vì chúng gần gũi và cũng giống thân thể tôi đến mức ấy, giờ đây lần đầu tiên tôi thấy cảm giác bất thường, trái khoáy, lúng túng...” [1, Tr. 219]. Bản năng sinh tồn và khả năng thích ứng của con người trở dậy mãnh liệt hơn bao giờ hết.

4. Hàng rào dây thép gai, lò thiêu xác – biểu tượng chiến tranh

– **Hàng rào dây thép gai** trở thành nỗi ám ảnh ghê rợn trong trại tập trung. Với mục đích quy hoạch và giam cầm tù nhân trong các “bock” – dãy nhà, một công cụ hữu dụng là hàng rào dây thép gai. Trong *Không số phận* không ít lần Kertész Imre để cho Köves Gryörgy quan sát chi tiết, tỉ mỉ các hàng rào dây thép gai. Nó không còn là sự ngăn cách bình thường giữa trại tập trung và bên ngoài mà nó là *biểu tượng của sự phân biệt chủng tộc tàn bạo và ghê rợn*. Ngay trong hàng ngũ tù nhân, người Digan và người Do Thái bị đối xử khác nhau. Trong cảm nhận của

Köves Gryörgy, người Do Thái không bằng người Digan. Nó là sự ngăn cách giữa *con người ưu việt và con người bị Chúa ruồng bỏ, con người vị lai và con người đặc chủng, thuần chủng*. Ngoài ra, hàng rào dây thép gai còn *biểu tượng của sự sống và cái chết*. Nó được dẫn điện để các tù nhân không thể bỏ trốn. “Tôi bất ngờ được biết có mắc điện, và đúng vậy, lúc đó tôi nhận ra trên đỉnh những cột bê tông là các trụ sứ trắng... Người ta đảm bảo điện có thể giết chết người, chỉ cần bước lên con đường cát nhỏ chạy dọc theo chân hàng rào” [1, Tr. 121]. Vì vậy, việc quản lí các phạm nhân ở Auschwitz không cần bằng “những âm thanh náo nhiệt”. Ở Buchenwald, hàng rào dây thép gai không có điện “nhưng kẻ nào bước ra khỏi lều vào ban đêm sẽ bị chó sói xé nát” [1, Tr. 150]. Hình ảnh này lặp lại nhiều lần gọi về sự giam giữ và chia cắt, biểu tượng của thảm sát không tiếng súng.

– **Lò thiêu xác (crematorium)**: Theo hệ thống các trại tập trung của Đức Quốc xã xây dựng từ năm 1933 đến 1945 gồm có tất cả 59 trại bao gồm nhiều phân trại khác nhau: trại thu gom và trung chuyển, trại tập trung và lao động khổ sai, trại hủy diệt... Mỗi trại có hình thức, nhiệm vụ khác nhau. Và mỗi trại không thể thiếu các crematorium – lò thiêu xác. “*Một cái ống khói lùn, có góc cạnh, miệng loe rộng, trên đỉnh như bị bắt chọt phạt ngang một nhát... Nếu không nói là ở phía xa, chúng tôi liên tục bất ngờ khi nhìn thấy thêm một cái, rồi thêm một cái nữa và ở phía chân trời sáng rực lại thêm một cái ống khói như thế này nữa, trong số đó có hai cái đang nhả lên bầu trời thứ khói giống hệt như cái ở gần chúng tôi*” [1, Tr. 128]. Đoạn văn miêu tả sự ghê rợn của lò thiêu qua sự quan sát lạ lẫm, nhưng hoàn toàn không khiếp sợ, cũng chẳng may mắn bất bình của Köves Gryörgy. Những tù nhân bị chết do dịch bệnh đều được đem vào lò hỏa thiêu. Với hệ thống lò hỏa thiêu hoạt động công suất như thế, khói bay lên bao phủ cả bầu trời khiến người ta không thể không nghi ngờ “*chẳng lẽ dịch bệnh lại lớn tới mức nhiều người chết đến thế?*” Dịch bệnh ở các khu trại tập trung là có thật, nhưng với tốc độ như thế khiến tù nhân ngỡ rằng họ có thể bị thiêu sống.

Hình ảnh lò thiêu xác khủng khiếp trong trại tập trung ám ảnh tù nhân ngay cả sau ngày trở về. Những người ngoài cuộc không tin có những người đang trở về từ các trại tập trung: “*tôi từ Buchenwald về, “từ đâu kia?”, “có nghĩa là từ Buchenwald”, “từ đó đấy”, “nghĩa là Ngài...”, “trại nào?”, “cháu đã nhìn thấy bao nhiêu điều khủng khiếp?”, “ở trong trại tập trung điều đó là tất nhiên*” [1, Tr. 294]. “*Thần nhiên*” là thái độ của Köves Gryörgy và những người từ trại hủy diệt, từ lò thiêu trở về. Họ xem đó là số phận. Để rồi, khi không còn lò thiêu nữa, một cảm giác sắc lạnh, đau đốn, vô vọng ủa về trong tâm trí họ: nỗi nhớ – “*giờ yêu thích nhất của tôi là trong trại*”. Như vậy, lò thiêu vừa là phương pháp giải quyết Do Thái của chủ nghĩa phát xít, vừa là niềm tin, nỗi nhớ của người kinh qua. Kertész Imre đã phơi bày bản chất thực sự của con người hiện đại. Không lò thiêu trở thành không số phận. Sụp đổ những niềm tin, tan vỡ những chân lý, hoài nghi bản thể, đánh mất lịch sử, văn hóa. Đó là điều ghê rợn nhất mà chủ nghĩa phát xít từng phạt người Do Thái trong chiến tranh thế giới thứ hai và sau này.

Trong cuộc phỏng vấn của nhật báo Đức *Die Welt* nhân dịp Kertész Imre bước qua tuổi 80 (2009), ông khẳng định sờ dĩ viết về Holocaust vì bản thân ông đã trải qua hành trình kinh hoàng này. Tuy nhiên, ông cũng cho rằng “thử nghiệm triệt tiêu sắc dân Do Thái cùng chủ nghĩa bài chủng tộc Do Thái không phải là một hiện tượng riêng lẻ”, lớn hơn là chủ nghĩa toàn trị. Vậy, Holocaust sẽ chưa thể chấm dứt với sự sụp đổ của chủ nghĩa Quốc xã. Năm 1989, tiểu thuyết *Kinh cầu cho một đứa trẻ không ra đời* (*Kaddis a meg nem született gyermekért*) ra đời như một tiếp nối đầy cay đắng của *Không số phận*. Trong câu chuyện trở lại quá khứ này, Kertész Imre đã cố gắng đi tìm lời giải đáp cho câu hỏi: *Sau trải nghiệm lò thiêu con người ta có thể sống như thế nào?* Câu hỏi được giải đáp trong một tiểu thuyết mang đậm tính tôn giáo, nghiệt ngã nhưng thấm đẫm tinh thần nhân văn. Nhân vật chính là một nhà văn – người vừa trải qua địa ngục trần gian Auschwitz – sau những dằn vặt đau đớn, đã thốt lên tiếng “*Không!*”: quyết định không sinh con, không Do Thái, không sinh ra là Do Thái, vì những gì đã xảy ra với ông và hàng triệu thân phận Do Thái khác, có thể tái diễn bất cứ lúc nào, với bất cứ ai trong một chế độ toàn trị kiểu phát xít.

Không số phận được đặt trên trục âm nhạc Fuga (*fugue*), gồm 9 tấu khúc buồn thương tương đương 9 chương đa bè, đa âm, cầu kỳ, mang âm hưởng một bản Kaddish (*kinh cầu đọc cho người đã chết của người Do Thái*), tác phẩm là bản án đặc biệt có sức ám ảnh mạnh mẽ và sâu sắc, đối với chế độ toàn trị độc tài – quái vật Nazi thế kỷ XX. Không có một “*hậu-Auschwitz*” nào hết, những ai đã trải qua Auschwitz thì suốt đời phải sống với nó. Câu chuyện trở thành nguồn cảm hứng cho đạo diễn điện ảnh Koltai Lajos chuyển thể thành phim [*xem thêm tài liệu 3*] gây xúc động mạnh mẽ với khán giả thế giới. Có một nhà báo đã hỏi Koltai Lajos về thông điệp của bộ phim. Ông đã trả lời: tìm ra một cách thích ứng, một kỹ thuật cho tâm hồn, để có thể tồn tại được – đây là điều nhân vật của *Không số phận* muốn nhắn gửi.

Tài liệu tham khảo

1. Imre Kertész (Giáp Văn Chung dịch) (2010), *Không số phận*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
2. Mill John Stuart (Nguyễn Văn Trọng dịch) (2005), *Bàn về tự do*, Nxb. Trí thức.
3. Trích “*Nhật ký Gálya*” (*Gálya napló, 1992*), 28/10/2010.

WAR ISSUES IN FATELESS BY IMRE KERTÉSZ FROM CULTURAL – HISTORICAL PERSPECTIVE

Chu Dinh Kien *

HU – University of Education, 32 Le Loi St., Hue, Vietnam

Abstract. *Fateless (Sorstalanság)* narrated the journey of Köves György through the concentration camps of Germany during World War II. His involvement revealed the shade of the nature of war and the Jews' fate. There was a bit of gunfire but extremely fierce front where the tragedy of war was best exposed. In this paper, we examine the issues of war in *Fateless* from the historical and cultural perspective to provide a part of the interpretation of the journey in finding human essence after World War II.

Keywords. Fateless, Köves György, concentration camps, World War II, Jews